



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240951

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB1: Dòng khí thải số 1 – HTXL bụi số 1 (Tọa độ - X: 1209697, Y: 607606)		20706	47	2,60
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240952

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB2: Dòng khí thải số 2 – HTXL bụi số 2 (Tọa độ - X: 1209659, Y: 0607602)		29409	29	1,44
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2		US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

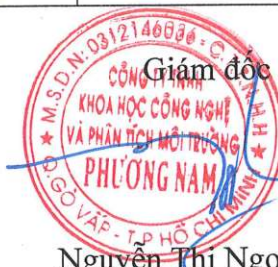
Mã số phiếu: 240953

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB3: Dòng khí thải số 3 – HTXL bụi số 3 (Tọa độ - X: 1209649, Y: 607588)		24439	59	2,91
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240954

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB4: Dòng khí thải số 4 – HTXL bụi số 4 (Tọa độ - X: 1209660, Y: 0607614)		25929	57	2,60
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240901

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 21/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB5: Dòng khí thải số 5 – HTXL bụi số 5 (Tọa độ - X: 1209705, Y: 607601)		26774	42	2,10
Phương pháp đo, xác định		US EPA METHOD 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240902

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 21/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3
OKB6: Dòng khí thải số 6 – HTXL bụi số 6 (Tọa độ - X: 1209732, Y: 607590)		18408	37	2,11
Phương pháp đo, xác định		US EPA METHOD 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240998

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 23/02/2024

4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi tổng mg/Nm ³	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm ³
OKB7: Dòng khí thải số 7 – HTXL bụi số 7 (Tọa độ - X: 1209664, Y: 607650)		14251	57	1,69
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		-	160	4

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 - Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240903

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 21/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3	H_2SO_4 hoặc SO_3 (tính theo SO_3) mg/Nm^3
OKT1: Dòng khí thải số 8 – HTXL khí số 1 (Tọa độ - X: 1209643, Y: 607503)		30684	44	0,58	26,4
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29	US EPA Method 8
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4	40

Điểm đo	Chỉ tiêu	SO_2 mg/Nm^3	CO mg/Nm^3	NO_x (tính theo NO_2) mg/Nm^3
OKT1: Dòng khí thải số 8 – HTXL khí số 1 (Tọa độ - X: 1209643, Y: 607503)		0	6	4
Phương pháp đo, xác định	HD – NB 05			
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		400	800	680

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240904

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 21/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m^3/h	Bụi tổng mg/Nm^3	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm^3	H_2SO_4 hoặc SO_3 (tính theo SO_3) mg/Nm^3
OKT2: Dòng khí thải số 9 – HTXL khí số 2 (Tọa độ - X: 1209628, Y: 607507)		30602	39	0,55	21,7
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29	US EPA Method 8
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		-	160	4	40

Điểm đo	Chỉ tiêu	SO_2 mg/Nm^3	CO mg/Nm^3	NO_x (tính theo NO_2) mg/Nm^3
OKT2: Dòng khí thải số 9 – HTXL khí số 2 (Tọa độ - X: 1209628, Y: 607507)		0	4	5
Phương pháp đo, xác định	HD – NB 05			
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_v = 1$; $K_p = 0,8$)		400	800	680

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240999

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 23/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi tổng mg/Nm ³	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm ³	H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ (tính theo SO ₃) mg/Nm ³
OKT3: Dòng khí thải số 10 – HTXL khí số 3 (Tọa độ - X: 1209630, Y: 607646)		31127	41	0,54	22,1
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29	US EPA Method 8
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		-	160	4	40

Điểm đo	Chỉ tiêu	SO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	NO _x (tính theo NO ₂) mg/Nm ³
OKT3: Dòng khí thải số 10 – HTXL khí số 3 (Tọa độ - X: 1209630, Y: 607646)		0	4	4
Phương pháp đo, xác định		HD – NB 05		
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		400	800	680

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 241000

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 23/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi tổng mg/Nm ³	Pb và hợp chất, tính theo Pb mg/Nm ³	H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ (tính theo SO ₃) mg/Nm ³
OKT4: Dòng khí thải số 11 – HTXL khí số 4 (Tọa độ - X: 1209675, Y: 607634)		11593	21	0,31	20,1
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 2	US EPA Method 5	US EPA Method 29	US EPA Method 8
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		-	160	4	40

Điểm đo	Chỉ tiêu	SO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	NO _x (tính theo NO ₂) mg/Nm ³
OKT4: Dòng khí thải số 11 – HTXL khí số 4 (Tọa độ - X: 1209675, Y: 607634)		0	5	4
Phương pháp đo, xác định				
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kv = 1; Kp = 0,8)		400	800	680

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240955

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Không khí xung quanh
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ rung dB	H ₂ SO ₄ mg/Nm ³	VOC _s mg/Nm ³	
				Benzen mg/Nm ³	Toluen mg/Nm ³
XQ1: Khu vực công nhà máy (Tọa độ - X: 1209722, Y: 0607618)		44,1	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 6963:2001	Niosh 7908	Niosh Method 1501	
QCVN 27:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)		≤ 70	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		-	0,3	0,022	0,5

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	Bụi Pb mg/Nm ³
XQ1: Khu vực công nhà máy (Tọa độ - X: 1209722, Y: 0607618)		0,151	0,096	0,089	< 8,33	KPH (LOD = 0,00005)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD85- PTCO	TCVN 5067:1995+ TCVN 6152:1996
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		0,3	0,35	0,2	30	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 24 giờ)		-	-	-	-	0,0015

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240956

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Không khí xung quanh
3. Ngày lấy mẫu : 22/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ rung dB	H ₂ SO ₄ mg/Nm ³	VOC _s mg/Nm ³	
				Benzen mg/Nm ³	Toluen mg/Nm ³
XQ2: Khu vực hàng rào cuối nhà máy (Tọa độ - X: 1209604, Y: 0607525)		46,1	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
Phương pháp đo, xác định	TCVN 6963:2001	Niosh 7908	Niosh Method 1501		
QCVN 27:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)	≤ 70	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	-	0,3	0,022	0,5	

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	Bụi Pb mg/Nm ³
XQ2: Khu vực hàng rào cuối nhà máy (Tọa độ - X: 1209604, Y: 0607525)		0,166	0,098	0,092	< 8,33	KPH (LOD = 0,00005)
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD85- PTCO	TCVN 5067:1995+ TCVN 6152:1996	
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	0,3	0,35	0,2	30	-	
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 24 giờ)	-	-	-	-	0,0015	

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240957

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. **Phân loại mẫu** : Không khí xung quanh
3. **Ngày lấy mẫu** : 22/02/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ rung dB	H ₂ SO ₄ mg/Nm ³	VOC _s mg/Nm ³	
				Benzen mg/Nm ³	Toluen mg/Nm ³
XQ3: Khu vực phía Tây, tiếp giáp với kho thành phẩm của Công ty TNHH URC Việt Nam (Tọa độ - X: 1209651, Y: 0607506)		47,1	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 6963:2001	Niosh 7908	Niosh Method 1501	
QCVN 27:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)		≤ 70	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		-	0,3	0,022	0,5

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	Bụi Pb mg/Nm ³
XQ3: Khu vực phía Tây, tiếp giáp với kho thành phẩm của Công ty TNHH URC Việt Nam (Tọa độ - X: 1209651, Y: 0607506)		0,171	0,102	0,094	< 8,33	KPH (LOD = 0,00005)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD85-PTCO	TCVN 5067:1995+ TCVN 6152:1996
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		0,3	0,35	0,2	30	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 24 giờ)		-	-	-	-	0,0015

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 240958

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ẮC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. **Phân loại mẫu** : Không khí xung quanh
3. **Ngày lấy mẫu** : 22/02/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 04/03/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ rung dB	H ₂ SO ₄ mg/Nm ³	VOC _s mg/Nm ³	
				Benzen mg/Nm ³	Toluen mg/Nm ³
XQ4: Khu vực phía Đông, tiếp giáp với Công ty cà phê Trần Quang (Tọa độ - X: 1209686, Y: 0607606)		45,7	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 6963:2001	Niosh 7908	Niosh Method 1501	
QCVN 27:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21h)		≤ 70	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		-	0,3	0,022	0,5

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	Bụi Pb mg/Nm ³
XQ4: Khu vực phía Đông, tiếp giáp với Công ty cà phê Trần Quang (Tọa độ - X: 1209686, Y: 0607606)		0,174	0,102	0,096	< 8,33	KPH (LOD = 0,00005)
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD85-PTCO	TCVN 5067:1995+ TCVN 6152:1996
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		0,3	0,3	0,022	0,5	-
QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 24 giờ)		-	-	-	-	0,0015

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 241001

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa,
TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. Phân loại mẫu : Nước thải trước xử lý (Tọa độ - X: 1209690, Y: 607606)
3. Ngày lấy mẫu : 23/02/2024
4. Ngày trả kết quả : 04/03/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	1,04	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (ở 20 ⁰ C)	mg/l	61	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/l	103	SMEWW 5220C:2023
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	70	TCVN 6625:2000
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	KPH (LOD = 0,5)	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ	mg/l	6,44	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,53	SMEWW 4500.P.B&E:2023
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH (LOD = 1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD = 1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Sunfua	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	SMEWW 4500.S ² .B&D:2023
11	Clorua	mg/l	< LOQ = 10	SMEWW 4500.Cl.B:2023
12	Chì	mg/l	9,1	SMEWW 3113B:2023
13	Tổng Coliforms	MPN /100 ml	< 1,8	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 241002

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH ÁC QUY GS VIỆT NAM – NHÀ MÁY THỨ HAI
Địa chỉ: Số 38 VSIP, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải tại hố ga đầu nối với KCN VSIP
(Tọa độ - X: 1209709, Y: 607518)
3. **Ngày lấy mẫu** : 23/02/2024
4. **Ngày trả kết quả** : 04/03/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận VSIP	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,60	6 – 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (ở 20 ⁰ C)	mg/l	9	400	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/l	15	600	SMEWW 5220C:2023
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	11	400	TCVN 6625:2000
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	< LOQ = 1,67	8	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nitơ	mg/l	3,90	20	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	0,30	5	SMEWW 4500.P.B&E:2023
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH (LOD = 1,0)	16	SMEWW 5520B&F:2023
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD = 1,0)	5	SMEWW 5520B&F:2023
10	Sunfua	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,2	SMEWW 4500.S ² .B&D:2023
11	Clorua	mg/l	21,3	500	SMEWW 4500.Cl.B:2023
12	Chì	mg/l	0,010	0,1	SMEWW 3113B:2023
13	Tổng Coliforms	MPN /100 ml	9,2 x 10 ²	5.000	SMEWW 9221B:2023

TL. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng